

Số: 10/2023/QĐST-DS

Phú Thọ, ngày 22 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, 192, 217, 218; khoản 2 Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm: “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vô hiệu”, thấy:

XÉT THẤY

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Đinh Thị T theo địa chỉ mà nguyên đơn yêu cầu. Nhưng không tổng đạt được. Qua xác minh được biết hiện nay bà Đinh Thị T không có mặt ở Việt Nam thể hiện tại văn bản số: 12051/QLXNC-P5 ngày 24/5/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận “*Đinh Thị T, sinh ngày 14/5/1967, đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 06/02/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 67/2023/QĐ-CCTLCC ngày 02/01/2023; Số 208/2023/QĐ-CCTLCC ngày 14/6/2023, với nội dung yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ, tin tức của bà Đinh Thị T để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên các văn bản trả lời của nguyên đơn (Ngày 10/3/2023, ngày 22/6/2023) đều thể hiện nguyên đơn không có bất kỳ thông tin gì về địa chỉ, tin tức của bà Đinh Thị T.

Do nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ hiện nay của bị đơn, nên Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn tại Công an phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ và được cung cấp (BL 247) như sau: “*Bà Đinh Thị T, sinh năm 1967, có hộ khẩu thường trú tại tổ 2A, phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên hiện nay bà Đinh Thị T hiện đi đâu, làm gì Công an phường P, thị xã P không nắm bắt được thông tin*”. Tiến hành xác minh thông qua con trai của bà Đinh Thị T là anh Lê Ngọc N, sinh năm 1987 và anh Lê Văn S, sinh năm 1989 thì anh N và anh S đều không đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2A, phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Ngoài ra tiến hành xác minh thông qua chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu Lê Đồng, phường A, thị xã Phú P, tỉnh Phú Thọ (Chị Y là vợ anh S), chị Y cung cấp thông tin, hiện nay chị cũng không biết anh N, anh S đi đâu, làm gì, sinh sống ở đâu vì các anh không nói cho chị biết địa chỉ cụ thể và cũng không về nhà. Về địa chỉ của bà T, chị Y cho biết: Chị chỉ biết hiện nay bà T đang ở nước ngoài, nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của bà T ở nước ngoài; Tòa án đã có văn bản yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ cung cấp địa chỉ cụ thể của bà T, tại văn bản ngày

22/6/2023 Cục Thi hành án có văn bản trả lời như sau: “Thực hiện Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 208/2023/QĐ-CCTLCC ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ cụ thể, tin tức của bà Đinh Thị T hiện đang sinh sống, làm việc cụ thể ở nước nào (Địa chỉ cụ thể số nhà, đường, phố,...). Sau khi tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo thẩm quyền, chấp hành viên không có bất kỳ thông tin gì về địa chỉ, tin tức của bà T”.

Như vậy, đến thời điểm hiện tại không xác định được địa chỉ của bà Đinh Thị T ở đâu để tiến hành báo gọi bà T đến để giải quyết vụ án.

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC quy định:

“Điều 6. Xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

...c) Trường hợp không thuộc điểm a, b khoản 2 Điều này mà Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng nguyên đơn không cung cấp được thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án không xác định được địa chỉ mới của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ trường hợp hướng dẫn tại khoản 3 Điều này

Như vậy, vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

“ Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

...

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật”.

Do vậy, căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2022/ TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 (Tạm đình chỉ ngày 13/01/2023, giải quyết tiếp ngày 15/3/2023) về việc “Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vô hiệu” giữa:

Nguyên đơn: Ông Cù Xuân D, sinh năm 1967 - Chức vụ: Chấp hành viên trung cấp Cục Thi hành án dân sự tỉnh P; Địa chỉ: 330 đường Nguyễn Tất Thành, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

(Chấp hành viên Cù Xuân D thay thế chấp hành viên Nguyễn Quang N – Là nguyên đơn theo Quyết định về việc thay đổi Chấp hành viên thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án số 285/QĐ-CTHADS.NV ngày 15/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Bị đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1967; ĐKKHKT: Tổ 2A, phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; hiện bà T đang ở nước ngoài.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Đình C, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu 12 (Nay là khu 7), xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Bùi Đình T, sinh năm 1959; ĐKKHKT: Tổ 2A, phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; hiện ở: Khu 1, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Vụ án bị đình chỉ giải quyết theo hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP thì theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, người khởi kiện có quyền khởi kiện lại vụ án đó khi cung cấp được đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về tạm ứng án phí: Chấp hành viên không phải nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

- Trả lại các tài liệu đương sự đã giao nộp (nếu có)

3. Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Huyền

